

Working Paper 2025.2.5.12

- Vol. 2, No. 5

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ CARBON -
KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO VIỆT NAM**

Vũ Thị Hương¹

Sinh viên K62 Luật thương mại quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Dương Thị Thu Lan

Giảng viên khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất hiện nay trên toàn cầu. Thuế carbon là một công cụ pháp lý quan trọng để kiểm soát lượng phát thải khí nhà kính ra môi trường. Bài viết nghiên cứu khái quát về thuế carbon và những quy định pháp luật về biện pháp thuế này. Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về thuế carbon của một số quốc gia trên thế giới như Thụy Điển, Úc và

¹ Tác giả liên hệ: huong29042005@gmail.com

Việt Nam, tác giả đưa ra những đánh giá và bài học cho Việt Nam trong việc triển khai thuế carbon. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thuế carbon.

Từ khoá: biến đổi khí hậu, phát thải khí nhà kính, pháp luật về môi trường, thuế carbon

CARBON TAX LAW – INTERNATIONAL EXPERIENCES AND POLICY DIRECTIONS FOR VIETNAM

Abstract

Climate change is one of the most pressing global challenges today. Carbon tax serves as a crucial legal instrument for controlling greenhouse gas emissions into the environment. This article provides an overview of the carbon tax and the legal regulations surrounding this measure. Additionally, through the study and analysis of laws and practical applications of carbon tax regulations in various countries, such as Sweden, Australia, and Vietnam, the author offers evaluations and lessons for Vietnam in implementing a carbon tax. Based on this, the author proposes recommendations for enhancing Vietnam's legal framework on carbon taxation.

Keywords: climate change, greenhouse gas emissions, environmental law, carbon tax

Mở đầu

Những năm đầu thế kỷ XX, trung bình 10 tỷ tấn CO₂ thải ra môi trường và bầu khí quyển. Chỉ một thế kỷ sau, thế giới chứng kiến một con số tăng gấp 5 lần, 50 tỷ tấn phát thải khí nhà kính. Sự gia tăng về cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường khiến chất lượng cuộc sống của nhân loại giảm sút trầm trọng. Lượng phát thải ngày càng lớn, tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống con người, từ sức khỏe, đến kinh tế, xã hội, hay thậm chí cả tình hình chính trị. Trước những hệ quả ngày càng nghiêm trọng do khí thải nhà kính gây ra, các quốc gia đã thực thi nhiều giải pháp và mang lại hiệu quả đáng mong đợi. Thuế carbon trở thành một công cụ pháp lý để giảm lượng phát thải, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi sang năng lượng sạch và bền vững với môi trường.

.

Tuy nhiên, việc xây dựng và triển khai thuế carbon không phải là một nhiệm vụ đơn giản, nó đòi hỏi khung pháp lý chặt chẽ, sự đồng thuận từ cộng đồng và các chính sách hỗ trợ để giảm thiểu tác động kinh tế - xã hội. Hiện nay trên thế giới đã có 39 quốc gia và khu vực áp dụng thuế carbon. Thụy Điển, trong giai đoạn khó khăn nhất, đã tìm thấy cơ hội sử dụng thuế carbon như một công cụ kinh tế hiệu quả để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và thành công trở thành một quốc gia phát triển bền vững. Trong khi đó, Úc áp dụng thuế carbon và bãi bỏ loại thuế này sau 2 năm đưa vào triển khai. Việt Nam với cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 được Thủ tướng Phạm Minh Chính đưa ra tại COP26, cần phải có những hành động cụ thể.

Bài viết được triển khai với mục tiêu đề xuất xây dựng khung pháp lý về thuế carbon tại Việt Nam nhằm giảm phát thải khí nhà kính và khuyến khích ngành công nghiệp và các doanh nghiệp sử dụng năng lượng xanh, hiệu quả hơn. Đồng thời, đảm bảo việc triển khai thuế carbon một cách hợp lý, không làm ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là người dân và doanh nghiệp có thu nhập thấp.

1. Tổng quan về Thuế Carbon và pháp luật về thuế carbon

1.1. Khái niệm thuế carbon

Thuế carbon, theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc, là *“một khoản thanh toán bắt buộc và không hoàn lại cho chính phủ, được áp đặt trên lượng khí thải carbon hoặc đại diện của nó, nhằm mục đích giảm thiểu lượng khí thải carbon (hoặc tương đương) trong khí quyển.”*

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD đưa ra khái niệm thuế carbon là *“một cách làm tăng chi phí nhiên liệu hóa thạch nhằm khuyến khích bảo tồn năng lượng thông qua việc giảm nhu cầu đối với các hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ nhiều nhiên liệu hóa thạch (do giá cả cao hơn bao gồm cả chi phí môi trường), đồng thời khuyến khích chuyển sang các công nghệ và quy trình thân thiện với môi trường hơn.”*

Đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có một khái niệm thống nhất về thuế carbon, song, từ những định nghĩa mà các tổ chức uy tín đưa ra, kết hợp với kinh nghiệm triển khai áp dụng biện pháp thuế này trên thế giới, chúng ta có thể rút ra một kết luận: Thuế carbon là một loại thuế môi trường, thuế gián thu, đánh vào lượng CO₂ thải ra môi trường với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính.

Cùng với hệ thống giao dịch phát thải ETS, thuế carbon là một trong hai công cụ chính để định giá carbon. Theo đó, chính phủ các nước sẽ đặt một mức thuế nhất định cho mỗi tấn carbon dioxide (tCO_2) thải ra môi trường mà cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm tuân theo.

1.2. Đặc trưng của thuế carbon

Đối tượng chịu thuế carbon là những nhiên liệu hoá thạch như than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, ... mà khi đốt cháy nó sẽ tạo ra CO_2 . Sở dĩ các nhiên liệu hoá thạch này bị đánh thuế là bởi trong mỗi nhiên liệu đó sẽ chứa thành phần carbon và hydro. Khi đốt cháy chúng trong quá trình sản xuất, chúng sẽ giải phóng năng lượng nhiệt, đồng thời cũng chuyển carbon thành carbon dioxide (CO_2). Khí CO_2 này sẽ bốc hơi lên tầng khí quyển, ngưng tụ ở đó, gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu, biến đổi khí hậu và hàng loạt các vấn đề khác về môi trường.

Chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế carbon là cá nhân, tổ chức, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá là đối tượng chịu thuế. Vì bản chất thuế carbon là một loại thuế gián thu, nghĩa là thuế sẽ áp dụng gián tiếp lên các sản phẩm, dịch vụ dựa trên mức độ phát thải CO_2 trong quá trình sản xuất. Các nhà sản xuất sẽ chuyển chi phí vào giá cả hàng hoá khi đến tay người tiêu dùng.

Thuế carbon được áp dụng dựa trên nguyên tắc PPP (Polluter Pays Principle) – Người gây ô nhiễm phải trả tiền. Người gây ô nhiễm cần phải chịu một khoản chi phí nhất định để bù đắp cho những tác động tiêu cực mà hoạt động của họ gây ra đối với môi trường. Từ việc phải trả một mức giá cao hơn bình thường cho sản phẩm tiêu thụ nhiều nhiên liệu, người tiêu dùng sẽ giảm nhu cầu cho chúng và tăng nhu cầu đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường.

1.3. Pháp luật về thuế carbon

Để xác định căn cứ pháp lý cho việc áp dụng thuế carbon, để đảm bảo sự tuân thủ của người dân và sự công bằng, việc ban hành các quy định pháp luật về loại thuế này là điều cần thiết. Tùy thuộc vào tình hình kinh tế - xã hội và khung pháp lý của các quốc gia mà mỗi nước khi áp dụng thuế carbon sẽ ban hành quy định pháp luật phù hợp. Đó có thể là ban hành một đạo luật hoàn toàn mới như kinh nghiệm của Australia hay bổ sung luật về thuế carbon vào một luật đã sẵn có trong hệ thống pháp luật như Thụy Điển. Tóm lại, dù là sử dụng cách thức nào nhưng cần đảm bảo khi triển khai áp dụng thuế carbon cần ban hành song song các quy định mang tính pháp lý với nó.

1.3.1. Khái niệm pháp luật về thuế carbon

Từ định nghĩa pháp luật về thuế nói chung, có thể giải thích pháp luật về thuế carbon là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu, nộp thuế carbon giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người nộp thuế, nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu môi trường và phát triển xanh.

1.3.2. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của luật thuế carbon là các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế và xử lý vi phạm và khiếu nại về biện pháp thuế này.

Thứ nhất, nhóm quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý thuế carbon, bao gồm:

Nhà nước xác định phạm vi đối tượng chịu thuế carbon, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động phát thải khí nhà kính. Xây dựng nguyên tắc đánh thuế dựa trên mức độ phát thải khí nhà kính, loại hình sản xuất, ngành nghề kinh doanh. Xác định căn cứ tính thuế, mức thuế carbon phù hợp với chính sách môi trường và tình hình kinh tế - xã hội. Ban hành cơ chế miễn, giảm thuế hoặc ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp có hoạt động giảm phát thải. Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc kê khai và nộp thuế carbon nhằm chống thất thu thuế, tránh gian lận thuế.

Thứ hai, nhóm quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế carbon:

Các doanh nghiệp, tổ chức thuộc diện chịu thuế có trách nhiệm kê khai, đăng ký và nộp thuế carbon theo quy định. Tuân thủ quy trình tính thuế dựa trên lượng khí nhà kính phát thải. Báo cáo định kỳ về mức phát thải và các biện pháp giảm phát thải để xác định chính xác số thuế phải nộp. Đề nghị cơ quan thuế xem xét, điều chỉnh nghĩa vụ thuế trong trường hợp có sai sót hoặc thay đổi chính sách.

Thứ ba, nhóm quan hệ phát sinh trong quá trình xử lý vi phạm và khiếu nại về thuế carbon: Xử lý các hành vi vi phạm như kê khai sai mức phát thải, trốn thuế carbon, chậm nộp thuế. Áp dụng chế tài đối với các tổ chức không tuân thủ quy định về nộp thuế carbon. Giải quyết khiếu nại của các doanh nghiệp về mức thuế, phương thức tính thuế hoặc quyết định hành chính của cơ quan thuế trong lĩnh vực thuế carbon.

1.3.3. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế carbon.

1.3.4. Phương pháp điều chỉnh

Để đảm bảo hiệu quả tác động của pháp luật, luật thuế carbon áp dụng phương pháp mệnh lệnh quyền uy giống như các loại thuế khác. Cụ thể, Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền là bên đưa ra các quyết định đơn phương xác định các nghĩa vụ thuế, trong khi các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp thải khí nhà kính là bên có nghĩa vụ tuân thủ mà không có sự thương lượng hay từ chối. Nhà nước đơn phương quyết định mức thuế carbon áp dụng cho các hoạt động phát thải khí nhà kính, dựa trên tình hình kinh tế, xã hội của đất nước cũng như xu hướng chung trên toàn thế giới. Đồng thời, nhà nước có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ chính sách thuế carbon theo định hướng chính sách môi trường mà không cần sự đồng ý của người nộp thuế. Bên cạnh đó, cơ quan thuế cũng có thẩm quyền kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế carbon, nhằm đảm bảo việc thực thi chính sách một cách hiệu quả.

2. Kinh nghiệm từ quốc tế

2.1. Kinh nghiệm của Thụy Điển

Một trong những quốc gia sớm nhận thấy tầm quan trọng của thuế carbon và tiên phong áp dụng biện pháp thuế này trên thế giới là Thụy Điển. Năm 1991, Thụy Điển chính thức triển khai thuế carbon, ba năm sau, năm 1994, các quy định về thuế carbon được ban hành trong Luật Thuế Năng lượng (hay còn được gọi là Đạo luật 1994:1776).

2.1.1. Tình hình đất nước Thụy Điển khi triển khai áp dụng thuế carbon

Vì đặc điểm về vị trí địa lý, Thụy Điển là một đất nước không có nhiều tài nguyên nhiên liệu hóa thạch. Than, dầu mỏ, hay khí tự nhiên luôn phải nhập khẩu từ nước ngoài. Vì thế, vào năm 1973, khi cuộc Khủng hoảng dầu mỏ diễn ra, Thụy Điển là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Giá dầu bị đẩy lên cao, nguồn cung thiếu hụt trầm trọng, không đáp ứng đủ nhu cầu về sử dụng loại nguyên nhiên liệu này để sưởi ấm và phát triển công nghiệp. Sự kiện này, một mặt khiến nền kinh tế Thụy Điển suy thoái nghiêm trọng, mặt khác, nó lại là một cơ hội để Nhà nước Thụy Điển nhìn lại chiến lược phát triển kinh tế và chiến lược về năng lượng của mình. Không thể tự khai thác nhiên liệu hóa thạch phục vụ sản xuất, cũng không thể nhập khẩu từ các quốc gia khác vì giá thành quá cao, giải pháp phi carbon hoá

nền kinh tế, giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch của Thụy Điển là cách giải quyết bền vững nhất.

Như vậy, ngoài những lợi ích của việc áp dụng thuế carbon đem lại, Thụy Điển lựa chọn ban hành loại thuế này cũng dựa trên tình hình đất nước lúc bấy giờ. Đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX, Thụy Điển đã trở thành một ví dụ điển hình cho sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và giảm phát thải carbon cũng như giải quyết một cách triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Cần phải nhấn mạnh rằng, chính phủ Thụy Điển đã đề ra rất nhiều biện pháp nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, không chỉ riêng việc ban hành và áp dụng thuế carbon, nhưng thuế carbon chính là một trong những công cụ hữu hiệu nhất để giảm phát thải khí nhà kính.

2.1.2. Các đặc trưng về thuế carbon trong Luật Thuế Năng lượng 1994

Như đã đề cập, Thụy Điển đã bổ sung thuế carbon vào Luật Thuế Năng lượng năm 1994, theo đó, thuế carbon được quy định trong Luật như sau:

Thứ nhất, về đối tượng chịu thuế,

Điều 1 Chương 2 quy định mức thuế suất đối với các loại nhiên liệu xăng (xăng động cơ, xăng alkylat, xăng hàng không, xăng loại khác), dầu sưởi, dầu hỏa, dầu diesel, khí tự nhiên được sử dụng để vận hành phương tiện có động cơ, tàu thuyền hoặc máy bay, than đá, than cốc.

Điều 3 bổ sung các đối tượng như sau: “*nhiên liệu cho việc sưởi ấm, nhiên liệu cho động cơ, phụ gia cho nhiên liệu động cơ, chất tăng cường thể tích cho nhiên liệu động cơ.*”

Điều 4 của luật này đã mở rộng phạm vi áp dụng thuế năng lượng đến các sản phẩm khác nếu chúng đáp ứng hai điều kiện: Được dự định để tiêu thụ, bán hoặc sử dụng như nhiên liệu cho động cơ, hoặc như phụ gia cho nhiên liệu động cơ, hoặc như chất tăng cường thể tích cho nhiên liệu động cơ, hoặc chứa hydrocarbon khác ngoài than bùn và được dự định để tiêu thụ, bán hoặc sử dụng như nhiên liệu cho việc sưởi ấm.

Như vậy, đối tượng chịu thuế carbon không chỉ giới hạn trong những loại nhiên liệu đã được xác định mà còn mở rộng áp dụng thuế đối với các sản phẩm có chứa hydrocarbon dùng làm nhiên liệu sưởi ấm hoặc chất phụ gia, tăng cường thể tích cho nhiên liệu động cơ. Không chỉ với những nhiên liệu trực tiếp thải ra phát thải khí nhà kính, thuế carbon còn được đánh

trên cả những chất giúp cải thiện thể tích và tính năng của nhiên liệu đó. Điều luật này đã thể hiện định hướng chính sách rõ ràng của Nhà nước Thụy Điển, rằng bất kỳ hoạt động nào tác động xấu đến môi trường, làm tăng lượng phát thải thì đều phải chịu thuế.

Thứ hai, về chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế, theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả thuế, người tiêu dùng chịu thuế carbon thông qua giá năng lượng và nhiên liệu họ sử dụng bởi các pháp nhân sẽ chuyển phần thuế vào giá bán hàng hoá, dịch vụ. Ngoài ra, như đã đề cập, nhiên liệu mà Thụy Điển có được chủ yếu từ việc nhập khẩu từ nước ngoài, nên thuế carbon cũng áp dụng đối với các công ty hoặc cá nhân nhập khẩu nhiên liệu hoá thạch cho lượng khí thải mà nhiên liệu đó tạo ra.

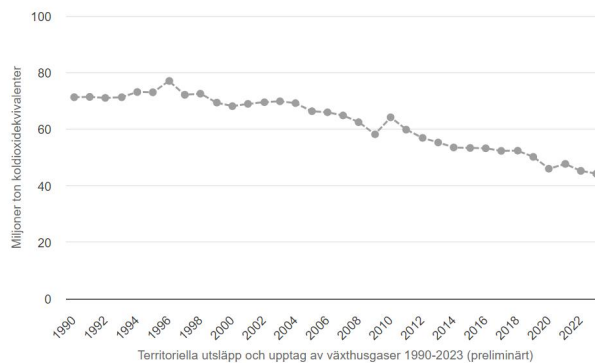
Thứ ba, về mức thuế suất, ở thời điểm bắt đầu triển khai áp dụng thuế carbon, Thụy Điển quy định đánh thuế 250 SEK (đơn vị đồng tiền Thụy Điển), tương đương 25 đô la Mỹ cho mỗi tấn CO₂ (tCO₂) thải ra môi trường. Mức thuế này được điều chỉnh theo từng năm và đến đầu những năm 2000, một sự gia tăng đáng kể đã diễn ra khi nó đạt 95 USD vào năm 2004. 10 năm sau, mức thuế carbon là 1.076 SEK (168 USD) mỗi tấn CO₂, tăng xấp xỉ 1,7 lần so với năm 2004. Năm 2024, mức thuế carbon của Thụy Điển có chiều hướng giảm xuống 127,25 USD, đứng thứ 4 trên thế giới theo công bố của Ngân hàng Thế giới vào tháng 5/2024.

2.1.3. Kết quả của Thụy Điển trong việc áp dụng thuế carbon và bài học cho Việt Nam

Hơn 30 năm triển khai áp dụng thuế carbon, Thụy Điển đã đạt được những thành tựu to lớn trong cả phát triển kinh tế và đảm bảo vấn đề về môi trường. Việc áp dụng thuế carbon đã góp phần giảm mức tiêu thụ nhiên liệu hoá thạch tại đất nước này, thay vào đó, nhiên liệu sinh học được quan tâm và ưu tiên sử dụng hơn. Lấy ví dụ về việc sử dụng nhiên liệu cho mục đích sưởi ấm ở Thụy Điển, trước thời điểm áp dụng thuế carbon, nguồn nhiên liệu chính được sử dụng là dầu mỏ. Với việc áp dụng thuế CO₂ vào năm 1991, xu hướng sử dụng nhiên liệu sinh học, chất thải, các nguồn nhiên liệu xanh, bền vững và ít phát thải khác tăng mạnh, thay thế cho những nhiên liệu hoá thạch.

Chính vì thế, từ những thập niên 70 của thế kỷ 20 (khoảng 20 năm trước khi áp dụng thuế carbon) đến năm 2008 (gần 20 năm sau khi áp dụng), khí nhà kính thải ra môi trường giảm hơn 40%. Theo số liệu thống kê tính đến năm 2023, lượng phát thải khí nhà kính của Thụy Điển là 44,2 triệu tấn carbon, giảm 38% so với năm 1990.

Biểu đồ 1: Lượng phát thải khí nhà kính của Thụy Điển (1990-2022)



Nguồn: Naturvårdsverket - Cơ quan bảo vệ môi trường Thụy Điển

Với những con số khởi sắc đó, Thụy Điển hướng tới thực hiện mục tiêu tạo ra 100% năng lượng từ các nguồn tái tạo vào năm 2040 và đạt mức phát thải ròng bằng không vào năm 2045. Có thể thấy, thành công của việc áp dụng thuế carbon nói riêng, của mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính nói chung của Thụy Điển không chỉ được minh chứng một cách rõ nét thông qua những con số trong quá khứ và hiện tại mà còn thể hiện trong định hướng về tương lai của vương quốc này. Cho đến nay, nhiều quốc gia khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam vẫn luôn coi chiến lược phát triển kinh tế kết hợp với bền vững môi trường của Thụy Điển là một hình mẫu để noi gương.

Câu hỏi mà chúng ta cần đặt ra cho thành công của việc áp dụng thuế carbon không phải là mức thuế suất mà Thụy Điển áp dụng là bao nhiêu, vì rõ ràng mức thuế suất 127,25 USD/ tấn CO₂ là một con số rất lớn. Vậy, bài học mà Việt Nam chúng ta cần kiếm tìm chính là cách thức áp dụng sắc thuế này tại Thụy Điển như thế nào? Điều đặc biệt tạo nên sự thành công là gì?

Một là, sự phù hợp trong chính sách điều chỉnh mức thuế theo từng năm của Thụy Điển. Bắt đầu triển khai áp dụng thuế carbon ở một mức giá thấp, sau đó chính phủ áp dụng mức thuế tăng dần theo từng năm. Chính sách này là một giải pháp hiệu quả để người dân có thời gian thích nghi với một loại thuế mới được ban hành. Tuy nhiên, chính phủ cũng xem xét và đánh giá tình hình thế giới cũng như trong nước để đưa ra quyết định thay đổi mức thuế suất,

không áp dụng máy móc, dập khuôn. Bằng chứng là có những thời điểm Thụy Điển đã giảm thuế, hoặc giữ nguyên mức thuế. Cụ thể vào năm 2022, Khủng hoảng năng lượng toàn cầu xảy ra khi xung đột Nga và Ukraine bùng nổ. Nga và phương Tây liên tục sử dụng các biện pháp trừng phạt lên đối phương, song rất nhiều quốc gia khác lại gánh chịu hậu quả khi giá năng lượng tăng vọt vào năm 2023, điều đó dẫn tới quyết định hoãn kế hoạch tăng thuế của chính phủ Thụy Điển.

Hai là, chính phủ ban hành hai mức thuế khác nhau – mức tiêu chuẩn và mức dành cho ngành công nghiệp. Các ngành công nghiệp nằm trong Hệ thống Thương mại Phát thải của Liên minh Châu Âu (EU ETS) sẽ được miễn thuế carbon hoàn toàn, đối với ngành công nghiệp không chịu sự chi phối của ETS sẽ chịu mức thuế thấp hơn mức tiêu chuẩn. Chính sách này đã giải quyết được tình trạng thu thuế hai lần. Điều này được áp dụng từ khi bắt đầu triển khai loại thuế này và kết thúc vào năm 2018 khi mức thuế cho lĩnh vực công nghiệp ngoài ETS được nâng lên bằng với mức thuế chung.

Ba là, sử dụng nguồn thu từ thuế carbon một cách hợp lý và có hiệu quả. Doanh thu từ thuế carbon sẽ được đưa vào ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội, để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững, giảm phát thải, trợ cấp phúc lợi cho cá nhân gặp khó khăn thay vì trực tiếp đầu tư vào các lĩnh vực khác như cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải, hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân....

Bốn là, giải quyết tốt nguy cơ “rò rỉ carbon”. Rò rỉ carbon là một thuật ngữ để chỉ nguy cơ các doanh nghiệp chuyển ra khỏi Thụy Điển sang các quốc gia có quy định và thuế môi trường ít nghiêm ngặt hơn để tiếp tục sản xuất kinh doanh. Việc sử dụng chính nguồn thu từ thuế carbon để hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển giao công nghệ hướng tới mục tiêu sản xuất xanh, bền vững của Thụy Điển chính là một cách “giữ chân” họ. Chính sách đầu tư vào công nghệ sạch, năng lượng tái tạo của Thụy Điển cũng giúp giảm chi phí sản xuất cho các doanh nghiệp, đồng thời thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

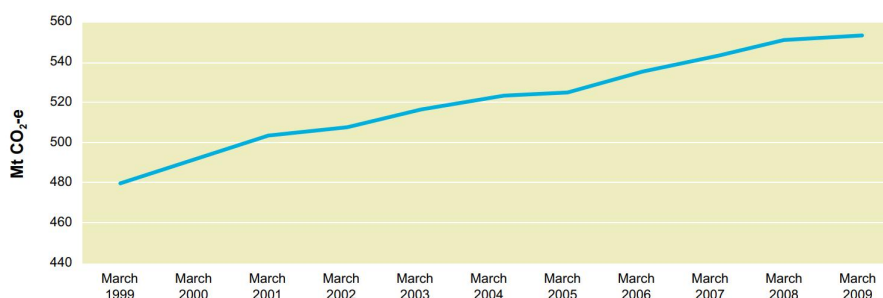
2.2. Kinh nghiệm từ Úc

2.2.1. Tình hình nước Úc cho sự ra đời của thuế carbon

Theo số liệu thống kê của Cục thống kê Australia, năm 2008 phát thải CO₂ chiếm khoảng 73% tổng lượng phát thải ròng của quốc gia này. Mỗi người dân nước này phát thải

trung bình 18,75 tấn CO₂, cao hơn rất nhiều so với mức phát thải chung của OECD (10,97 tấn/người).

Biểu đồ dưới đây thể hiện lượng phát thải khí nhà kính của người dân Úc trong vòng 10 năm, kể từ năm 1999 đến năm 2009. Tháng 3 năm 2009, cả nước Úc đã thải 552 triệu tấn CO₂ ra môi trường, vượt qua Mỹ và trở thành quốc gia có số lượt phát thải cao nhất trên thế giới.



Biểu đồ 2: Tổng hợp quốc gia về lượng phát thải hàng năm (1999 - 2009)

Nguồn: Bộ Biến đổi Khí hậu của Chính phủ Australia, Quarterly Update of Australia's National Greenhouse Gas Inventory March Quarter 2009

Trước thực trạng ô nhiễm nghiêm trọng này, chính phủ mới của Úc đã ban hành một đạo luật mới cho việc áp dụng thuế carbon tại đất nước này – Đạo luật Năng lượng sạch 2011 (Clean Energy Act 2011). Thuế carbon chính thức được áp dụng vào ngày 1/7/2012.

2.2.2. Đặc trưng của thuế carbon được quy định trong Luật Năng lượng sạch 2011

Thứ nhất, đạo luật đã đưa ra quy định về giới hạn ô nhiễm carbon. Theo đó, giới hạn ô nhiễm carbon là một lượng khí nhà kính, một con số CO₂ nhất định sẽ được công bố bởi chính phủ hàng năm. Các doanh nghiệp tổ chức sản xuất, kinh doanh không được phép vượt qua ngưỡng giới hạn đó. Nếu vượt quá giới hạn thì lượng phát thải vượt quá đó phải chịu thuế carbon (Theo Điều 14 Luật Năng lượng sạch 2011). Năm 2012, thuế carbon được áp dụng cho các cơ sở, doanh nghiệp thải ra hơn 25.000 tấn CO₂ tương đương một năm.

Thứ hai, về chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế, chương 3 của đạo luật này xác định cụ thể những chủ thể chịu trách nhiệm nộp thuế trong những trường hợp, lĩnh vực khác nhau. Quy định chung những người nộp thuế sẽ là người có quyền kiểm soát, điều hành hoạt động của một cơ sở, hoặc thành viên của công ty liên doanh, hoặc người được chủ sở hữu uỷ quyền.

Thứ ba, về mức thuế suất, mức thuế khởi điểm từ thời điểm triển khai thuế carbon là 23 AUD (Australian Dollar), tương đương 19,6 USD trên mỗi tấn CO₂. Hai năm tiếp theo chứng kiến sự gia tăng nhẹ, lần lượt là 24,15 AUD năm 2013 và 25,40 AUD vào năm 2014.

2.2.3. Kết quả của việc áp dụng thuế carbon ở Úc

Theo thông lệ, Chính phủ Úc đã công bố dữ liệu từ báo cáo cập nhật về lượng phát thải khí nhà kính CO₂ vào tháng 6 năm 2014.

Chỉ trong năm thứ 2 sau khi áp dụng thuế carbon, lượng phát thải khí nhà kính của Úc đã giảm 1,4%, mức giảm hàng năm lớn nhất được ghi nhận trong thập kỷ qua. Sau 9 tháng triển khai thuế carbon, sản xuất điện từ than – công nghiệp sản xuất gây ô nhiễm cao ở Úc đã giảm 14% lượng phát thải CO₂ so với cùng kỳ năm trước. Thay vào đó, sản xuất điện bằng nhiên liệu sinh học và các nguồn năng lượng tái tạo như gió, nước tăng 28%.

Sector	Annual emissions (Mt CO ₂ -e)		
	2012-13	2013-14	Change (%)
Energy – Electricity	186.9	179.4	-4.0%
Energy – Stationary energy excluding electricity	92.3	93.1	0.9%
Energy – Transport	92.5	92.1	-0.4%
Energy – Fugitive emissions	43.0	45.2	5.1%
Industrial processes	32.1	31.7	-1.3%
Agriculture	90.2	87.9	-2.6%
Waste	13.2	13.2	0.0%
National Inventory Total (excluding LULUCF)	550.2	542.6	-1.4%

Bảng 1: Bảng dữ liệu kiểm kê khí nhà kính quốc gia theo lĩnh vực cho các năm 2012-13 và 2013-14

Nguồn: Bộ Môi trường, Chính phủ Úc, Quarterly Update of Australia's National Greenhouse Gas Inventory: June 2014

Phân tích của cơ quan vận hành thị trường năng lượng Australia (AEMO) cho thấy, lượng điện bán tại thị trường bờ biển phía Đông nước này trong 3 tháng kể từ khi luật thuế carbon được áp dụng trung bình giảm 7,6% khí thải cho mỗi megawatt/giờ. Bộ trưởng Biến đổi khí hậu Australia - Greg Combet đã đánh giá cao vai trò của giá thuế carbon 23 AUD/tấn đối với biến chuyển này. Ông cho hay: *"Các nhà máy điện có tổng công suất 3.000 MWh bị đóng cửa hoặc giảm hoạt động là con số rất lớn. Thuế carbon có vai trò chủ chốt đối với những thay đổi này"*.

2.2.4. Sự bãi bỏ thuế carbon và Đạo luật năng lượng sạch tại Úc: Nguyên nhân và bài học cho Việt Nam

Tháng 7 năm 2014, thuế carbon và Đạo luật năng lượng sạch bị bãi bỏ. Bỏ qua vấn đề về chính trị giữa các đảng phái, nhưng thực tiễn chứng minh cả nền kinh tế vĩ mô lẫn các vấn đề môi trường tại quốc gia này đều đang dần được cải thiện qua việc áp dụng thuế carbon. Vậy nguyên nhân nào đã khiến chính phủ Úc quyết định bãi bỏ thuế carbon?

Nguyên nhân trọng tâm là vấn đề về chính trị. Úc là quốc gia đa đảng, không có sự thống nhất giữa các đảng phái về các chính sách môi trường – vấn đề đang đòi hỏi cần được giải quyết nhanh chóng ở Úc. Dự luật về thuế carbon do bà Julia Gillard - thủ tướng mới đề xuất được Quốc hội thông qua với 74 số phiếu bầu tán thành và 72 phiếu không tán thành. Chính sách thuế carbon của chính phủ mới không nhận được sự đồng tình từ phe đối lập là Đảng Tự do. Người lãnh đạo Đảng phái Tony Abbott giữ quan điểm chỉ trích loại thuế này và tuyên bố sẽ bãi bỏ luật thuế carbon nếu chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 2013.

Hai là, chính phủ không nhận được sự ủng hộ từ nhân dân và doanh nghiệp. Trước khi diễn ra cuộc bầu cử toàn quốc, vào năm 2010, bà Julia đã hứa với nhân dân sẽ không áp dụng sắc thuế carbon nếu bà giành chiến thắng. Tuy nhiên ngay sau khi trở thành thủ tướng, bà đã ra chỉ thị ban hành loại thuế này dưới một tên gọi khác. Uy tín chính trị của vị thủ tướng mới nhậm chức không còn, việc người dân không tin tưởng vào các kế hoạch và hành động của chính phủ là điều dễ hiểu. Theo bài báo của Guest Authors, sự thất bại trong chính sách thuế carbon của cựu thủ tướng Julia Gillard là do “thiếu một câu chuyện thuyết phục” để giải thích rõ cho công chúng hiểu về lợi ích và sự cần thiết của việc áp dụng thuế carbon.

Ba là, sự phức tạp trong quy trình áp dụng thuế carbon. Úc có lối đi khác biệt, không quy định cụ thể mà hằng năm chính phủ sẽ thông báo mức giới hạn ô nhiễm carbon. Vì thế, để biết doanh nghiệp, tổ chức nào đã vượt qua ngưỡng giới hạn đó, hằng năm các đại diện phải công bố đơn vị carbon của doanh nghiệp của mình. Điều đó đòi hỏi nhiều bước làm, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều bên.

3. Kiến nghị xây dựng pháp luật về thuế carbon ở Việt Nam

3.1. Tình hình pháp lý hiện nay ở Việt Nam

Việt Nam đã sớm hành động để bảo vệ môi trường thông qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực này như: Luật Bảo vệ môi trường; Luật Tài nguyên, môi

trường biển và hải đảo, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Luật Tài nguyên nước. Ngoài ra, hệ thống pháp luật Việt Nam cũng đã có những văn bản quy phạm pháp luật quy định về thuế trong lĩnh vực môi trường như Luật thuế bảo vệ môi trường năm 2010, Luật thuế tài nguyên 2009.

Về cơ chế định giá carbon, Việt Nam chưa triển khai áp dụng thuế carbon. Khoản 2 Điều 91 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định “*tổ chức và phát triển thị trường carbon trong nước*”. Tuy nhiên, cần phân biệt, đây là quy định về “thị trường carbon”, không phải về thuế carbon.

Thị trường carbon, hiểu một cách khái quát là việc nhà nước thiết lập tổng hạn ngạch phát thải carbon chung, sau đó phân bổ hạn ngạch phát thải cho từng doanh nghiệp và tạo thị trường carbon, cho phép các doanh nghiệp mua bán hạn ngạch phát thải. Theo đó, doanh nghiệp có mức phát thải thấp hơn ngưỡng giới hạn sẽ bán hạn ngạch cho doanh nghiệp có lượng phát thải vượt quá ngưỡng cho phép.

So với thuế carbon, tác giả cho rằng thị trường carbon vẫn gặp phải một số hạn chế khi áp dụng vào Việt Nam như sau:

Một là, thị trường carbon chỉ đạt được hiệu quả giảm phát thải khi tổng hạn ngạch phát thải được thiết lập ở mức chặt chẽ và phù hợp, trong khi thuế carbon luôn có tác dụng giảm phát thải. Bởi khi mức trần mà chính phủ đặt quá cao, cho phép phát thải nhiều thì nhu cầu mua hạn ngạch phát thải rất thấp, thậm chí dẫn đến tình trạng không làm phát sinh giao dịch mua bán hạn ngạch phát thải.

Hai là, thuế carbon tạo ra doanh thu cho nhà nước, trong khi thị trường carbon không tạo ra doanh thu. Khi phát triển thị trường carbon, Nhà nước chỉ giữ vai trò quy định mức hạn ngạch phát thải, sau đó, sự trao đổi mua bán các hạn ngạch sẽ phụ thuộc vào các doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là Nhà nước sẽ không nhận được khoản doanh thu như thuế carbon.

Ba là, thuế carbon tạo động lực tốt hơn cho các nhà sản xuất. Vì thị trường carbon đặt ra một ngưỡng giới hạn nên các doanh nghiệp sẽ tìm cách để sản xuất kinh doanh với lượng phát thải thải ra trong ngưỡng cho phép. Đối với thuế carbon, các doanh nghiệp lại tìm ra các phương án sản xuất để thải ra môi trường ít lượng phát thải nhất có thể để có thể tối thiểu hoá chi phí sản xuất, từ đó tăng lợi nhuận.

Bốn là, thủ tục hành chính khi áp dụng thuế carbon thường đơn giản hơn thị trường carbon. Với thuế carbon, nhà nước chỉ cần xác định mức thuế suất rồi giám sát việc trả thuế, còn với thị trường carbon, ngoài việc giám sát mức phát thải của từng doanh nghiệp, nhà nước cần xác lập mức tổng phát thải, giám sát thị trường trao đổi hạn ngạch phát thải và nhiều công việc khác.

Những hành động của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thể hiện sự nỗ lực lớn trong công cuộc giảm thiểu phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu trên toàn cầu và phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, từ những phân tích trên, thị trường carbon ở Việt Nam sẽ phức tạp và khó đạt được hiệu quả so với thuế carbon. Ngoài ra, Chính phủ hoàn toàn có thể áp dụng kết hợp cả hai công cụ thuế carbon và thị trường carbon để mức phát thải giảm mạnh.

3.2. Thuận lợi và thách thức của Việt Nam khi xây dựng và áp dụng thuế carbon

3.2.1. Thuận lợi

Thứ nhất, hệ thống chính trị ở Việt Nam là một đảng cầm quyền, không giống với nước Úc. Chúng ta chỉ có duy nhất một Đảng chính thống lãnh đạo, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể khẳng định, với nguyên tắc tập trung dân chủ, hầu hết những quyết định lớn được đưa ra và thực thi đều đạt được sự đồng thuận cao từ phía các cơ quan nhà nước.

Thứ hai, nhân dân Việt cũng đặt niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước. Nhà nước ta là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Vì thế, việc ban hành thuế carbon cũng sẽ không phải là một thách thức lớn về sự đồng thuận của các nhà chức trách cũng như của nhân dân. Hơn nữa, nếu nhà nước biết cách sử dụng doanh thu thuế để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nhỏ, để giải quyết các vấn đề xã hội, phúc lợi cho người dân và đầu tư vào công nghệ, giúp đỡ doanh nghiệp trong việc sử dụng năng lượng tái tạo, tỷ lệ đồng tình của người dân cũng sẽ cao.

Thứ ba, thị trường carbon ở Việt Nam bắt đầu có những chuyển biến tích cực. Tính đến tháng 11/2023, Việt Nam đã thu về 51,5 triệu USD, tương ứng 1200 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng 10,3 triệu tấn CO₂ cho Ngân hàng Thế giới. Sự thành công của thị trường carbon sẽ giúp tăng nhận thức của người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của chính sách giảm thiểu phát thải CO₂, đồng thời, tăng kinh nghiệm quản lý, giám sát của nhà nước về lĩnh vực này.

Thứ tư, hợp tác quốc tế lĩnh vực tài nguyên môi trường được chú trọng, đẩy mạnh. Tính đến nay Việt Nam đã tham gia 19 điều ước quốc tế về môi trường, thúc đẩy hoạt động hợp tác với các đối tác trọng tâm như Ngân hàng Phát triển châu Á, Chương trình môi trường của Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Sự hợp tác giúp nước ta huy động vốn, tăng cường năng lực khoa học công nghệ, tiếp thu kinh nghiệm từ việc áp dụng thuế của các quốc gia đó.

3.2.2. Thách thức

Thách thức đầu tiên Việt Nam gặp phải là nhiều doanh nghiệp thiếu hụt nguồn vốn để đầu tư vào công nghệ sạch, giảm phát thải và năng lượng tái tạo. Nếu áp dụng thuế carbon, các doanh nghiệp sẽ tìm cách để giảm phát thải CO₂ để nộp một mức thuế thấp nhất, tối thiểu chi phí để tối đa lợi nhuận. Nhưng để có thể làm được điều đó, doanh nghiệp phải có nguồn vốn nhất định để thực hiện các giải pháp. Trong khi đó, đây là một vấn đề khó khăn của các doanh nghiệp nước ta hiện nay. Từ đó, nguy cơ rò rỉ carbon và chảy máu chất xám cũng sẽ tăng cao. Nhiều thị trường tiềm năng cho sự phát triển kinh tế chưa áp dụng thuế carbon. Nếu Việt Nam áp dụng loại thuế này mà không đưa ra chiến lược phù hợp để “giữ chân” các nhà kinh tế thì họ sẽ có xu hướng đến một vùng đất khác để phát triển kinh doanh.

Bên cạnh đó, việc đã có các quy định pháp luật về thuế để bảo vệ môi trường vừa là thuận lợi, vừa là một thách thức đối với việc ban hành thuế carbon. Nếu không có sự phân biệt rõ ràng, không có chính sách phù hợp thì rất dễ dẫn đến tình trạng chồng chéo thuế, thu thuế hai lần.

Ngoài ra, rủi ro lạm phát nền kinh tế tăng cao. Thuế carbon khiến chi phí sản xuất tăng, các nhà sản xuất sẽ đẩy giá cả hàng hoá tăng để bù đắp cho phần chi phí tăng thêm đó, đặc biệt trong các ngành như điện, vận tải, hàng tiêu dùng. Điều này có thể dẫn tới lạm phát.

Một thách thức khác là từ hệ thống thông tin đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và cấp tín chỉ các bon (MRV) tại Việt Nam chưa đạt chuẩn quốc tế, gây khó khăn trong việc theo dõi và xác minh lượng phát thải. Nhân lực thiếu thốn, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo, chính sách vận hành MRV còn nhiều lỗ hổng, gây nên sự khó khăn trong việc thực thi hệ thống này.

Cuối cùng, khung pháp lý về carbon, phát thải khí nhà kính chưa hoàn thiện: Mặc dù đã ban hành quy định phát triển thị trường carbon, nghĩa là nhà nước đã có những chính sách cho

việc phát triển thị trường này, nhưng hệ thống pháp luật chưa có quy định cụ thể về công cụ kinh tế này.

3.3. Kiến nghị xây dựng pháp luật về thuế carbon ở Việt Nam

Thứ nhất, đối với câu hỏi Việt Nam có nên áp dụng thuế carbon không? Dựa trên những lợi ích của thuế carbon đem lại theo kinh nghiệm của các nước đã áp dụng, từ tình hình kinh tế, môi trường ở Việt Nam cũng như trên thế giới hiện nay, có thể khẳng định rằng, trong bối cảnh đã thử nghiệm nhiều biện pháp cần thiết khác mà vẫn chưa đạt được hiệu quả mong muốn, Việt Nam ban hành thuế carbon là cần thiết.

Thứ hai, về việc xây dựng quy định về thuế carbon, Việt Nam cần xây dựng một khung pháp lý chính thức về thuế carbon trong Luật Bảo vệ môi trường hoặc một loại Luật Thuế mới, với các quy định cụ thể về đối tượng chịu thuế, phương thức tính thuế và mức thuế. Để tránh tình trạng thu thuế hai lần, tác giả đề xuất lựa chọn phương án bổ sung vào luật thuế bảo vệ môi trường. Cũng giống như Thụy Điển đã có luật thuế năng lượng trước khi áp dụng thuế carbon, Việt Nam cũng đã có luật thuế bảo vệ môi trường, trong đó đã quy định rõ đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, mức thuế suất, Vậy Việt Nam nên ban hành bổ sung luật pháp về thuế carbon vào luật thuế bảo vệ môi trường, khi áp dụng thuế carbon đồng thời giảm thuế bảo vệ môi trường, sau đó tăng dần cả hai mức thuế. Rút kinh nghiệm từ Úc, việc xây dựng các quy định cần đơn giản, quy định rõ mức thuế bao nhiêu, hàng năm sẽ tăng bao nhiêu phần trăm. Đề xuất áp dụng thuế carbon đối với các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng như sản xuất điện than, xi măng, sắt thép, hóa chất, và các ngành sản xuất có lượng phát thải khí nhà kính lớn.

Thứ ba, về cách thức áp dụng, học tập kinh nghiệm từ Thụy Điển, Việt Nam nên áp dụng thuế carbon với mức thuế tăng dần theo từng năm để các cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, doanh nghiệp có thời gian thích nghi. Song, cũng cần có sự linh hoạt, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội của đất nước mà các nhà hoạch định chính sách đưa ra sự thay đổi mức thuế phù hợp. Mức thuế suất cần có sự điều chỉnh theo thời gian và theo ngành. Mức thuế nên được đề xuất ở mức tương đối thấp trong giai đoạn đầu (có thể từ 10-20 USD/tấn CO₂ phát thải) và tăng dần qua các năm, dựa trên chỉ số phát thải của từng ngành. Mức thuế có thể khác nhau tùy theo ngành công nghiệp, phù hợp với tính chất và mức độ phát thải của mỗi ngành.

Thứ tư, sử dụng nguồn thu từ thuế carbon một cách minh bạch và hợp lý. Đầu tư vào năng lượng tái tạo và công nghệ xanh. Toàn bộ hoặc phần lớn nguồn thu từ thuế carbon cần được sử dụng để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, hỗ trợ phát triển các giải pháp tiết kiệm năng lượng và chuyển đổi sang công nghệ sạch. Phần doanh thu cũng cần được dùng để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp nhỏ. Một phần nguồn thu có thể được tái phân phối dưới dạng trợ cấp hoặc hỗ trợ tài chính cho các hộ gia đình có thu nhập thấp và các doanh nghiệp nhỏ bị ảnh hưởng bởi chi phí năng lượng tăng lên do thuế carbon.

Thứ năm, song song với việc thu thuế carbon, nhà nước cần có những biện pháp tăng cường khuyến khích các ngành công nghiệp sạch. Đề xuất các chính sách giảm thuế hoặc ưu đãi thuế cho những doanh nghiệp đầu tư vào các công nghệ giảm thiểu phát thải hoặc chuyển đổi sang năng lượng tái tạo. Các doanh nghiệp có mức giảm phát thải đáng kể có thể được hưởng các ưu đãi thuế như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong một thời gian nhất định.

Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu ngày càng chú trọng đến phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, áp dụng thuế carbon là một bước đi cần thiết và có ý nghĩa đối với Việt Nam trong việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Qua nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia như Thụy Điển và Úc, Việt Nam có thể học hỏi nhiều bài học quý giá. Sự thành công của Thụy Điển nhấn mạnh vai trò của một hệ thống pháp luật vững chắc, sự đồng thuận từ cộng đồng và các chính sách hỗ trợ đi kèm để giảm thiểu những ảnh hưởng kinh tế - xã hội. Đồng thời, thất bại của Úc là lời cảnh tỉnh về những thách thức tiềm ẩn khi thiếu đi sự đồng thuận xã hội và điều chỉnh phù hợp.

Việt Nam, với các điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù, cần xây dựng lộ trình và khung pháp lý rõ ràng cho thuế carbon, vừa đảm bảo mục tiêu giảm phát thải, vừa không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các ngành sản xuất và đời sống người dân. Đồng thời, sự linh hoạt trong việc điều chỉnh thuế suất và các chính sách hỗ trợ là yếu tố quan trọng giúp đạt được hiệu quả tối ưu. Việc áp dụng thuế carbon không chỉ thể hiện trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế mà còn thúc đẩy sự chuyển đổi sang một nền kinh tế xanh và bền vững hơn trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

An Bình, “Nộp thuế cao ngất ngưỡng, người Thụy Điển vẫn vui”, ngày 20/05/2016, xem tại: <https://dantri.com.vn/the-gioi/nop-thue-cao-ngat-nguong-nguoi-thuy-dien-van-vui-20160520084938733.htm>, truy cập ngày 15/10/2024.

Ban biên tập Bách khoa toàn thư Britannica, Britannica (8/2024), “Australian federal election of 2010”, xem tại: <https://www.britannica.com/place/2010-1701953>, truy cập ngày 22/10/2024.

Bavbek, G. (2016), “Carbon Taxation Policy Case Studies”, EDAM Centre for Economics and Foreign Policy Studies Energy and Climate Change, xem tại: http://edam.org.tr/wpcontent/uploads/2016/10/EDAM_CarbonTaxCases_October2016.pdf, truy cập ngày 22/10/2024.

Bộ Biến đổi Khí hậu, Chính phủ Úc, “Climate Change Risks to Australia’s Coast - A FIRST PASS NATIONAL ASSESSMENT”, 2009, xem tại: <https://www.agriculture.gov.au/sites/default/files/documents/cc-risks-full-report.pdf>, truy cập ngày 22/10/2024.

Carbon Tax Center, “What’s a carbon tax?”, xem tại: <https://www.carbontax.org/whats-a-carbon-tax/>, truy cập ngày 11/10/2024.

Carbon Tax Center, Where Carbon Is Taxed (Some Individual Countries), xem tại: <https://www.carbontax.org/?s=australian+clean+energy+act#Australia>, truy cập ngày 23/10/2024.

Cơ quan bảo vệ môi trường Thụy Điển (Naturvårdsverket), “Sveriges utsläpp och upptag av växthusgaser”, ngày 19/6/2024, xem tại: <https://www.naturvardsverket.se/data-och-statistik/klimat/sveriges-utslapp-och-upptag-av-vaxthusgaser/>, truy cập ngày 12/10/2024.

Chính phủ Thụy Điển (Regeringskansliet), “Sweden’s carbon tax”, xem tại: <https://www.government.se/government-policy/taxes-and-tariffs/swedens-carbon-tax/>, truy cập ngày 10/10/2024.

Clean Energy Act 2011 (Tạm dịch: Đạo luật Năng lượng sạch 2011)

Chí Nhân, Quang Thuần, “*Việt Nam thu hàng ngàn tỉ đồng từ bán tín chỉ carbon*”, 2023, xem tại: <https://thanhnien.vn/viet-nam-thu-hang-ngan-ti-dong-tu-ban-tin-chi-carbon-185231229163143071.htm>, truy cập ngày 24/10/2024.

Guest Authors (2018), “Why is carbon pricing in some countries more successful than in others?”, OurWorldinData.org, xem tại: <https://ourworldindata.org/carbon-pricing-popular>, truy cập ngày 24/10/2024.

Hannah Ritchie, Pablo Rosado and Max Roser (2020) - “Greenhouse gas emissions”, OurWorldinData.org, xem tại: <https://ourworldindata.org/greenhouse-gas-emissions>, truy cập ngày 27/10/2024.

Henrik Hammar, Susanne Åkerfeldt, “CO₂ Taxation in Sweden - 20 Years of Experience and Looking Ahead”, 6/2010, xem tại: <https://www.government.se/contentassets/419eb2cafa93423c891c09cb9914801b/hammar-and-akerfeldt-2011-co2-taxation-in-sweden.-20-years-of-experience-and-looking-ahead.pdf>, truy cập ngày 12/10/2024.

Jenny Sumner, Lori Bird, Hillary Smith, “Carbon Taxes: A Review of Experience and Policy Design Considerations”, Technical Report, NREL/TP-6A2-47312, 12/2009, xem tại: <https://www.nrel.gov/docs/fy10osti/47312.pdf>, truy cập ngày 12/10/2024.

Lag (1994:1776) om skatt på energi (Tạm dịch: Luật Thuế Năng lượng Thụy Điển)

Liên hợp quốc (2021), “*Hanbook on carbon taxation for developing countries*”, New York, tr.23.

Lê Thị Phương, Nguyễn Thị Thu Hương, “Phát triển kinh tế tuần hoàn nhìn từ cuộc “Cách mạng tái chế” rác thải ở Thụy Điển và một số đề xuất cho Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, 2024, số 2, tr.56.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Ngân hàng Thế giới (2024), “*State and Trends of Carbon Pricing Dashboard*”, xem tại: <https://carbonpricingdashboard.worldbank.org/>, truy cập ngày 25/10/2024.

Nguyễn Văn Dương, “Thuế carbon và nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền - Một số gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 2024, số 410, tr.75.

OECD (2001), “*Environmentally Related Taxes in OECD Countries - ISSUES AND STRATEGIES*”, Paris, tr.71.

Oliver Milman, The Guardian, “Australia records biggest emissions drop in a decade as carbon tax kicks in”, ngày 24/12/2014, xem tại: <https://www.theguardian.com/environment/2014/dec/24/australia-records-biggest-emissions-drop-in-a-decade-as-carbon-tax-kicks-in>, truy cập ngày 23/10/2024.

Phys.org, Australia overtakes US as biggest polluter: report, 11/9/2009, xem tại: <https://phys.org/news/2009-09-australia-biggest-polluter.html>, truy cập ngày 21/10/2024.

Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

Samuel Jonsson, Anders Ydstedt, Elke Asen, “Looking Back on 30 Years of Carbon Taxes in Sweden”, *FISCAL FACT*, 2020, no.727, tr.4.

Susanne Åkerfeldt, Henrik Hammar, “CO₂ Taxation in Sweden. Experiences of the Past and Future Challenges”, ngày 7/9/2015, xem tại: https://www.un.org/esa/ffd/wp-content/uploads/2016/12/13STM_Article_CO2-tax_AkerfeldtHammar.pdf, truy cập ngày 13/10/2024.

Tổng cục thống kê nước Úc năm 2008, xem tại: <https://www.abs.gov.au/AUSSTATS/ABS@.NSF/2f762f95845417aeca25706c00834efa/01b4429f7965e922ca25779e001c4891!OpenDocument>, truy cập ngày 21/10/2024.

TS. Đỗ Nam Thắng, “Phân tích so sánh thuế các-bon và thị trường các-bon”, *Tạp chí Môi trường*, 2021, số 7, tr.33,34.

TS. Tạ Đình Thi, “*Phát triển thị trường các-bon: Kinh nghiệm quốc tế và cơ hội, thách thức, triển vọng đối với Việt Nam*”, Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam, 30/9/2024, xem tại: <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/goc-nhin.aspx?ItemID=89625>, truy cập ngày 25/10/2024.

Thomas Sterner, “The carbon tax in Sweden” trong Claude Henry (eds.), “*Standing up for a Sustainable World*”, Edward Elgar Publishing, Vương quốc Anh, 2020, tr.59

Thời báo kinh tế Sài Gòn, “Chính phủ Úc bãi bỏ thuế carbon”, 17/7/2013, Trung tâm WTO và Hội nhập Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, xem tại: .

<https://trungtamwto.vn/tin-tuc/4495-chinh-phu-uc-bai-bo-thue-carbon>, truy cập ngày 24/10/2024.

Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển, 13/05/2022, “Đầu tư kỷ lục vào công nghệ sạch của Thụy Điển”, xem tại: <https://vietnordic.com/2022/05/dau-tu-ky-luc-vao-cong-nghe-sach-cua-thuy-dien/>, truy cập ngày 20/10/2024.

32. World Bank (2014), State and Trends of Carbon Pricing, 05/2014, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/505431468148506727/pdf/882840AR0REPLA00EPI2102680Box385232.pdf>, truy cập ngày 11/10/2024.